

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 227/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 7 năm 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
tranh chấp giữa Công ty với thành viên công ty”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Chi Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Phạm Văn Nhẹ.

Ông: Phan Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tám – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2016/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp giữa Công ty với thành viên công ty” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Trọng D, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: 3/13 đường TD, ấp H H, xã L H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Minh Hoàng. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thịnh Luật thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Phạm Thị Yến H, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: 3/13 đường TD, ấp H H, xã L H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trịnh Thị Hoàng Yến. Văn phòng luật sư Cao Minh Triết thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2016, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Trọng D là nguyên đơn và ông Phan Hoàng M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Trọng D trình bày: Anh D và chị H cưới nhau năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã L H, thị xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ly thân hơn 01 năm. Nay tình cảm không còn nên Anh D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng S, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2014, hiện cháu S đang sống với chị H. Khi ly hôn, Anh D đồng ý để cháu Sang cho chị H trực tiếp nuôi, anh D tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không tranh chấp

Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu của chị H về việc chia phần vốn góp vào Công ty thì Anh D không đồng ý vì đây là tài sản riêng của Anh D.

** Tại Biên bản tự khai và tại phiên tòa hôm chị Phạm Thị Yến H là bị đơn, bà Phạm Thị Hoàng Y là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Yến H trình bày:* Chị H thống nhất với Anh D về trình tự thủ tục và thời gian kết hôn. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do Anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay Anh D yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý.

Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi một người con chung tên Nguyễn Trọng S và yêu cầu Anh D cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung với số tiền là 500.000.000 đồng.

Về tài sản riêng: Chị H rút yêu cầu chia phần vốn góp vào Công ty.

Về nợ chung: Không yêu cầu.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh D là công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh D với chị H. Về con chung: Giao cháu Sang cho chị H trực tiếp nuôi, Anh D cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H về vốn góp. Về án phí: Đang sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Anh D ly hôn với chị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Anh D với chị H là tự nguyện; được Ủy ban nhân dân xã L H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2014 là hợp pháp. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính

không hợp và ly thân hơn 01 năm. Anh D yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận.

2. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng S, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2014. Hai bên thống nhất giao cháu Sang cho chị H trực tiếp nuôi. Anh D cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị H yêu cầu cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy, Anh D thừa nhận từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến nay, anh không có cấp dưỡng cho cháu Sang, việc này là không đảm bảo quyền lợi cho cháu nên cần buộc Anh D cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị H yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H mới có yêu cầu chia tài sản chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu này trong vụ án.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Chị H rút yêu cầu chia phần vốn góp 300.000.000 đồng vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại thiết bị điện Nguyễn D. Xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị H; nếu sau này chị H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Anh D phải chịu theo quy định và chị H được hoàn tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng D và chị Phạm Thị Yến H cùng thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng S, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2014 cho chị Phạm Thị Yến H trực tiếp nuôi.

Anh Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng S mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến khi cháu Nguyễn Trọng S đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Yến H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Nguyễn Trọng D còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì anh Nguyễn Trọng D và chị Phạm Thị Yến H có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Yến H yêu cầu anh Nguyễn Trọng D trả lại phần vốn góp vào Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại thiết bị điện Nguyễn D với số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Trọng D chịu 400.000 đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) mà anh Nguyễn Trọng D đã tạm ứng án phí tại biên lai số 41456 ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Nguyễn Trọng D còn phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Hoàn tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Yến H số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng*) tại biên lai số 41503 ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L H;
- Lưu hs, án văn. Ln 12.

VÕ CHI LAN